

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 03 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Gấm

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C - Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng N; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn (theo Quyết định ủy quyền lại số 339/QĐ-NHCS ngày 08/11/2022 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B) - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nông Văn B, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nông Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- Ông Nông Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

4. *Người làm chứng*: Ông Nông Đức Đ; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2022, lời khai của người đại diện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng C yêu cầu ông Nông Văn B, địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn phải trả số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi tính đến ngày 03 tháng 3 năm 2023 là 5.993.751đ (năm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) gồm: lãi trong hạn là 4.442.299 đồng, lãi quá hạn là 1.551.452 đồng với các tình tiết như sau:

Ngày 27/8/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn cho gia đình ông Nông Văn B (chủ hộ đứng tên vay) và bà Nông Thị H (người thừa kế) cùng trú tại thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn thuộc tổ chức Hội nông dân xã L vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo Kế ước nhận nợ số 6600000713561509; mục đích xin vay là chi phí trồng rừng, mua dê sinh sản thuộc Chương trình vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, lãi suất 9%/năm và là lãi cố định; thời hạn cho vay 60 tháng; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 06/8/2023. Diễn biến trong thời gian vay như sau: Ngày 06/10/2018 ông B trả lãi số tiền 493.151 đồng; từ ngày 06/11/2019 đến ngày 06/8/2019 trả lãi số tiền 3.747.946 đồng. Đến ngày 06/10/2019 ông B trả nợ gốc số tiền 30.000.000 đồng và lãi là 752.055 đồng, số dư nợ gốc còn lại thời điểm ngày 06/10/2019 là 20.0000.000 đồng.

Thời gian sau đó ông B chỉ trả lãi các ngày 06/10/2019 số tiền 300.822 đồng, ngày 06/3/2020 số tiền 143.014 đồng. Tổng số tiền ông B đã trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 35.482.359 đồng trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi là 5.482.359 đồng. Từ đó đến nay, ông B không trả thêm được đồng nợ gốc và nợ lãi nào. Ngày 04/7/2022, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc 20.000.000đ sang nợ quá hạn. Sau nhiều lần đôn đốc, lập biên bản nhưng ông B vẫn không trả được nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm có: Sổ vay

vốn đứng tên người vay Nông Văn B, người thừa kế Nông Thị H; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của ông Nông Văn B lập ngày 17/8/2018 được Ngân hàng chính sách phê duyệt ngày 21/8/2018; Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngân hàng chính sách xã hội lập ngày 21/8/2018; thông báo kết quả phê duyệt cho vay của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B; phiếu giải ngân cho khách hàng Nông Văn B lập ngày 27/8/2018; sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ; các phiếu giao dịch lập ngày 06/10/2019; thẻ theo dõi giao dịch tiền vay đến ngày 16/8/2022; phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay; các biên bản làm việc lập ngày 22/4/2019 và 21/02/2022.

Trong bản tự khai đề ngày 12/10/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Nông Văn B trình bày: Ngày 18/9/2007, ông có vay của Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Đến ngày 06/10/2019 ông trả hết nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Còn các lần vay sau đó, ông Nông Văn T (trú tại thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn) vay ké của ông. Ông T đã mượn sổ vay vốn của ông rồi ông T tự làm hồ sơ vay vốn sau đó đưa cho ông ký, các thủ tục đáo hạn hợp đồng vay đều do ông T thực hiện. Năm 2017, ông T mượn sổ vay vốn của ông giữ hơn 1 năm sau mới trả sổ để ông lưu giữ. Do tin tưởng nên sau khi nhận lại sổ ông không kiểm tra số tiền trong sổ là 50.000.000 đồng. Ngày 17/8/2018, ông có được ký vào đơn xin vay vốn Ngân hàng C là vì ông T nói với ông để đảo nợ. Ông T không nói cụ thể đảo nợ món vay nào, của ai. Ông không được nhận tiền vay từ ngân hàng hay từ ông T. Ngày 06/10/2019, ông được trả 30.000.000 đồng tiền gốc của món vay này. Còn tiền lãi do ông T trả ngân hàng. Số tiền gốc còn lại 20.000.000 đồng ông không trả vì vào năm 2013 ông T có vay ké của ông hai món vay với tổng số 20.000.000 đồng nhưng sau đó ông T đã không nộp trả ngân hàng. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi trả 20.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi và nợ lãi phát sinh. Người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là ông T.

Tài liệu chứng cứ kèm theo: 01 biên lai thu lãi, thu tiền gửi tháng 4/2018; 01 phiếu giao dịch lập 27/8/2018; 03 phiếu giao dịch lập ngày 06/10/2019; 01 sổ vay vốn ngân hàng; 01 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ lập ngày 30/7/2007; 01 giấy mời ngày 19/4/2021; 01 giấy mời lập ngày 22/7/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị H trình bày: Vào năm 2007, bà chưa lập gia đình riêng nên còn ở chung với ông B (anh ruột bà). Khi đó gia đình bà có 04 nhân khẩu gồm bà, bố mẹ bà, ông B. Năm 2007, ông B làm sổ vay số tiền 30.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách theo diện hộ nghèo để nuôi bò thì bà được ký vào sổ vay vốn của ngân hàng cấp với tư cách là

người thừa kế do khi đó bố mẹ bà đã già yếu, hết tuổi lao động. Tháng 12/2011 bà lập gia đình riêng và chuyển khẩu về nhà chồng ở thôn L, xã Q, huyện B nên năm 2018 ông B vay tiền của Ngân hàng C bà không được biết, không được sử dụng số tiền ông B vay. Do vậy bà không chấp nhận trả nợ cùng ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn T trình bày: Ông B là con bác họ của ông, giữa hai bên không có mâu thuẫn gì. Ông làm Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn B từ khi thành lập đến đầu năm 2021. Từ năm 2007 ông B đã nhiều lần vay vốn của Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch huyện B. Năm 2007, khi ông B vay của Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng năm 2007 thì ông không được làm hồ sơ mà chỉ được làm hồ sơ các món vay của ông B từ 2013 trở lại đây. Ông không được vay kén, xâm tiêu, không được giữ sổ vay vốn của ông B. Năm 2013 ông có được thu tiền gốc 12.000.000 đồng của ông B để nộp nợ gốc món vay 2007. Ngoài ra ông không thu tiền gốc của ông B lần nào khác. Số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng của món vay năm 2018 do ông B tự trả, ông không được trả thay. Tiền lãi thì ông trả nợ thay ông B được hơn một năm thì không trả nữa. Lý do ông trả lãi thay ông B là do ông B là anh em họ hàng có nhờ ông nộp hộ. Lý do sau đó ông không trả tiền lãi nữa là do ông đã đòi tiền nhưng ông B không trả. Ông không có yêu cầu ông B phải trả khoản tiền lãi mà ông nộp hộ ông B trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã nộp 01 phiếu giao dịch lập ngày 24/10/2013.

Ngày 02/12/2022 và ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bị đơn không thừa nhận được ký vào Phiếu giải ngân lập ngày 27/8/2018; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp, thừa nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi như yêu cầu của nguyên đơn là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, cụ thể tại phiên tòa ngày 06/02/2023 bị đơn vắng mặt không có lý do. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Buộc ông Nông Văn B trả nợ số tiền gốc và lãi còn nợ theo kế ước nhận nợ số 6600000713561509 cho Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng (cho vay) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng giữa hai bên được giao kết và thực hiện tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện B và là nơi cư trú của bị đơn. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Về quyền khởi kiện:

Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, **vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.**

...”.

Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có nội dung:

“1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, **vi phạm quy định trong thỏa thuận cho vay** và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay. Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

...”.

Trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có ghi kỳ trả nợ gốc là 12 tháng/lần, lãi tiền vay trả định kỳ hàng tháng vào ngày mùng 6 hằng tháng.

Như vậy, Ngân hàng C có quyền khởi kiện ông B trước hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/8/2023.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nông Văn B phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, Khế ước nhận nợ số 6600000713561509 ngày 27/8/2018 tính đến ngày 03/3/2023 gồm nợ gốc 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.442.299 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.551.452 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông B thừa nhận là người được ký vào đơn xin vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và ngày 06/10/2019 ông B là người trực tiếp trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định ông B là bên vay trong Khế ước nhận nợ số 6600000713561509 lập ngày 27/8/2018 với số tiền vay là 50.000.000 đồng và đến ngày xét xử (03/3/2023) ông B còn nợ của Ngân hàng C số tiền gồm: nợ gốc là 20.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 5.993.751 đồng (gồm lãi trong hạn 4.442.299 đồng, lãi quá hạn là 1.551.452 đồng).

Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...”.

Trong kế ước nhận nợ (sổ vay vốn) thể hiện nội dung thỏa thuận giữa bên cho vay (ngân hàng chính sách xã hội) và bên vay (hộ ông Nông Văn B) là hộ vay có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có ý kiến vì bên vay không trả được nợ không phải do yếu tố khách quan nên không chấp nhận xóa nợ, gia hạn nợ. Xét thấy lý do ông B đưa ra là do ông T vay ké số tiền 20.000.000 đồng của các kế ước trước đó để từ chối trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, cần buộc ông B phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Khế ước nhận nợ số 6600000713561509 lập ngày 27/8/2018.

Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị H trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm lập hồ sơ cho vay 27/8/2018, bà H đã tách chuyển khẩu khỏi hộ ông Nông Văn B. Hơn nữa tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận bà H không có liên quan đến khoản nợ vay của ông B nên bà H không có trách nhiệm cùng ông B trả khoản nợ trên.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày

17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

Đối với số tiền ông B cho rằng ông T đã vay ké 20.000.000 đồng của ông B, do ông B không có yêu cầu buộc ông T phải trả lại trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến của ông T khai có được trả nợ lãi hộ ông B nhưng ông T không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông B là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã L, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng ông B không có đơn xin miễn án phí. Do đó, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Án lệ số 08/2016/AL.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc ông Nông Văn B phải trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Khế ước nhận nợ số 6600000713561509 ký ngày 27/8/2018 bao gồm các khoản:

- Tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
- Tiền nợ lãi trong hạn là 4.442.299đ (bốn triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm chín mươi chín đồng).
- Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 03/3/2023 là 1.551.452đ (một triệu năm trăm năm mươi một nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Tổng số tiền ông Nông Văn B phải trả cho Ngân hàng C là 25.993.751đ (hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi một đồng).

Về nghĩa vụ chậm trả: *“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nông Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.*

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Buộc ông Nông Văn B phải chịu 1.299.687đ (một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND H.Bạch Thông;
- TAND T. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- THADS H.Bạch Thông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh